

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 287/2019/HS-ST
Ngày 30/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Kiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

2. Ông Hoàng Viết Oanh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi, là thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Tổ Lâm - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 277/2019/HS-ST, ngày 09 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 281/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức S**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10 tháng 02 năm 1982, tại tỉnh Quảng Nam. Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 7, phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Tiền sự: Không. Con ông Nguyễn H (tên gọi khác Nguyễn Đức H, đã chết); con bà Lê Thị Kim H1, sinh năm 1958; trú tại: Tổ dân phố 7, phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo có 02 vợ là Trịnh Thị Bích H2, sinh năm 1981 (đã ly hôn, không rõ nơi cư trú) và Nguyễn Thị O, sinh năm 1987 (đã ly hôn); hiện có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2013, đều trú tại: Tổ dân phố 7, phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án: 04;

Ngày 26 tháng 12 năm 2002 bị Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, kết án 06 tháng tù (tại Bản án số 18/HSST). Ngày 28 tháng 4 năm 2003 bị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm về tội: Trộm cắp tài sản,

theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, kết án 06 tháng tù (tại Bản án số 95/HSPT). Bị cáo chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đắc Trung- Bộ Công an. Đến ngày 02/12/2003 chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo chưa được xoá án tích.

Ngày 31 tháng 12 năm 2004 bị Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử về tội: Cướp giật tài sản, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, kết án 06 năm tù (tại Bản án số 16/HSST). Ngày 21 tháng 3 năm 2005 bị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm về tội: Cướp giật tài sản, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, kết án 06 năm tù (tại Bản án số 39/2005/HSPT). Bị cáo chấp hành án phạt tù tại Trại giam Xuân Phước- Bộ Công an. Đến ngày 03/4/2009 chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo chưa được xoá án tích.

Ngày 28 tháng 02 năm 2011, bị Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, xét xử về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, kết án 09 tháng tù (tại Bản án số 65/2011/HSST). Bị cáo chấp hành án phạt tù tại Trại giam Gia Trung- Bộ Công an. Đến ngày 02/9/2011 chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo chưa được xoá án tích.

Ngày 08 tháng 12 năm 2014, bị Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, xét xử về tội: Cướp giật tài sản, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, kết án 05 năm tù (tại Bản án số 324/2014/HSST). Bị cáo chấp hành án phạt tù tại Trại giam Xuân Phước- Bộ Công an. Đến ngày 21/02/2019 chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo chưa được xoá án tích.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột, từ ngày 27 tháng 6 năm 2019, cho đến nay.

Người bị hại:

1/ Bà Trần Thị Th, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Trú tại: 327/36/20 YM, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

2/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn 3, xã QĐ, huyện Kr.A, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn Ch, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Trú tại: 30 THĐ, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 04 giờ sáng ngày 27/6/2019, Nguyễn Đức S một mình đi bộ trong khuôn viên Bệnh viện đa khoa Vùng Tây Nguyên, địa chỉ: 184 Trần Quý

Cáp, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, tìm người dân có tài sản nhưng sơ hở trong quản lý để trộm cắp. Khi đi đến phòng điều trị D3.2, thuộc khu nhà D, tầng 3 của Bệnh viện, Sang thấy cửa phòng này không đóng, quan sát thấy mọi người trong phòng đang ngủ, nên Sang lén lút đi vào trong phòng để tìm tài sản trộm cắp. Sang thấy tại vị trí giường bệnh số 6 có chị Nguyễn Thị L, cùng một cháu nhỏ đang nằm ngủ, phía trên đầu giường có để 01 chiếc điện thoại di động hiệu SamSung (loại J6) màu xanh. Sang liền đi đến trộm cắp chiếc điện thoại này bỏ vào túi quần của S đang mặc trên người, rồi đi ra ngoài hành lang định tẩu thoát, thì bị lực lượng tuần tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, phát hiện bắt quả tang. Thu giữ trong người S: 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu SamSung (loại J6) màu xanh (số Imei 1: 352812102957711; số Imei 2: 352813102957719), 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu SamSung (loại J7 Pro) màu đen (số Imei: 356202091590523) và số tiền: 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm ngàn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản, số: 201/KLĐG ngày 29 tháng 7 năm 2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu SamSung (loại J6) màu xanh (số Imei 1: 352812102957711; số Imei 2: 352813102957719), đã qua sử dụng; trị giá: 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm ngàn đồng).

Quá trình điều tra xác định: 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu SamSung (loại J6) màu xanh (số Imei 1: 352812102957711; số Imei 2: 352813102957719), là tài sản thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị L. Ngày 24/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã Quyết định xử lý vật chứng giao trả chiếc điện thoại di động cho chị Nguyễn Thị L nhận quản lý, sử dụng.

Ngoài ra, quá trình điều tra xác định: Vào khoảng 04 giờ sáng ngày 26/6/2019, Nguyễn Đức S một mình đi bộ trong khuôn viên Bệnh viện đa khoa Vùng Tây Nguyên để tìm tài sản trộm cắp. Khi đi đến phòng điều trị G1.11, khu nhà G của Bệnh viện, thấy cửa sổ phòng này mở. Sang đi đến nhìn qua cửa sổ thấy trên giường bệnh số 46 nơi chị Trần Thị Th điều trị, có để 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X, màu đen. Lúc này trên giường bệnh không có người (chị Th đi ra ngoài), Sang liền lén lút đưa tay qua cửa sổ phòng bệnh trộm cắp chiếc điện thoại của chị Th rồi tẩu thoát. Sau đó, Sang bán chiếc điện thoại di động trộm cắp của chị Thủy cho anh Phạm Văn Ch, là chủ tiệm điện thoại di động Đăng Khôi, địa chỉ: 30 Trần Hưng Đạo, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, lấy số tiền: 4.000.000 đồng. Ngày 27/7/2019, anh Phạm Văn Ch đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X, dung lượng 256Gb, màu đen (số Imei: 356738084457410), là tang vật chứng của vụ án.

Tại bản kết luận định giá tài sản, số: 226/KLĐG ngày 21 tháng 8 năm 2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X, dung lượng 256Gb, màu đen (số Imei: 356738084457410), đã qua sử dụng; trị giá: 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Quá trình điều tra xác định: 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X, dung lượng 256Gb, màu đen (số Imei: 356738084457410), là tài sản thuộc sở hữu của chị Trần Thị Th. Ngày 24/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã Quyết định xử lý vật chứng giao trả chiếc điện thoại di động trên cho chị Trần Thị Th nhận quản lý, sử dụng.

Tại bản cáo trạng số: 293/CT-VKS BMT ngày 8 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Tp Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Nguyễn Đức S, về tội: Trộm cắp tài sản, theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới làm thay đổi bản chất của vụ án nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp Buôn Ma Thuột vẫn giữ nguyên cáo trạng số: 293/ CT-VKS BMT ngày 8 tháng 10 năm 2019 và đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức S phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng điểm g, khoản 2, Điều 173; điểm h, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt: Nguyễn Đức S từ 3 năm đến 03 năm 6 tháng tù.

Truy thu của bị cáo Nguyễn Đức S số tiền 2.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận cơ quan điều tra giao trả 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu SamSung (loại J6) màu xanh (số Imei 1: 352812102957711; số Imei 2: 352813102957719) cho chị Nguyễn Thị L. 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X, dung lượng 256Gb, màu đen (số Imei: 356738084457410) cho chị Trần Thị Th nhận quản lý, sử dụng. Trả lại cho anh Phạm Văn Ch số tiền 2.700.000 đồng. Chấp nhận việc anh Phạm Văn Ch không yêu cầu bị cáo phải bồi thường 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức S thừa nhận hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào ngày 26 và 27 tháng 6 năm 2019, tại Bệnh viện đa khoa Vùng Tây Nguyên, địa chỉ: 184 Trần Quý Cáp, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, bị cáo Nguyễn Đức S đã liên tiếp thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản của chị Trần Thị Th và chị Nguyễn Thị L, thì bị phát hiện xử lý. Xác định tổng giá trị tài sản bị cáo đã trộm cắp, là: 14.700.000 đồng (mười bốn triệu bảy trăm ngàn đồng).

Do đó, có đủ cơ sở pháp lý kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Đức S phạm tội: Trộm cắp tài sản, theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đánh giá tính chất hành vi của bị cáo là nguy hiểm, hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, đồng thời hành vi phạm tội của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an xã hội. Mặc dù bị cáo nhận thức được rằng tài sản của công dân là bất khả xâm phạm, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị pháp luật trừng trị. Song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật với bản chất lười biếng lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài, bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Trần Thị Th và bà Nguyễn Thị L, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức S vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng nên bị xét xử ở điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm:

g) Tái phạm nguy hiểm”.

Về các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo.

Về nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy rằng: Bị cáo có nhân thân xấu, đã có nhiều tiền án nhưng chưa được xóa án tích. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản trộm cắp có giá trị không lớn đã tịch thu trả cho người bị hại, bị cáo tích cực hợp tác cơ quan điều tra phát hiện tội phạm mới. Như vậy bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, t, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta. Tuy nhiên bị cáo phạm tội nhiều lần cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt là có phần nghiêm khắc. Về xử lý vật chứng trong vụ án là phù hợp và có cơ sở cần chấp nhận.

Với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội

của bị cáo, để buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận cơ quan điều tra giao trả 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu SamSung (loại J6) màu xanh (số Imei 1: 352812102957711; số Imei 2: 352813102957719) cho chị Nguyễn Thị L. 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X, dung lượng 256Gb, màu đen (số Imei: 356738084457410) cho chị Trần Thị Th nhận quản lý, sử dụng.

Trả lại cho anh Phạm Văn Ch số tiền 2.700.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu SamSung (loại J7 Pro) màu đen (số Imei: 356202091590523), nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm việc thi hành án.

Chấp nhận việc anh Phạm Văn Ch không yêu cầu bị cáo phải bồi thường 2.000.000 đồng.

Truy thu của bị cáo Nguyễn Đức S số tiền 2.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

Ngoài các hành vi phạm tội trên, tại Cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Đức S còn khai nhận: Vào khoảng 03 giờ sáng ngày 26/6/2019 (trước khi thực hiện hành vi trộm cắp chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X của chị Trần Thị Th), thì Nguyễn Đức S còn trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu đen xám (số Imei: 353290071689145) của một người nam giới không rõ nhân thân, lai lịch đang nằm ngủ trong phòng điều trị (không rõ số phòng), thuộc dãy nhà D, tầng 4 Bệnh viện đa khoa Vùng Tây Nguyên. Sau đó, Sang bán chiếc điện thoại di động này (cùng chiếc điện thoại di động trộm cắp của chị Trần Thị Th), cho anh Phạm Văn Ch lấy số tiền: 700.000 đồng. Tổng số tiền bán 02 chiếc điện thoại là 4.700.000 đồng, Sang đã tiêu xài cá nhân hết 2.000.000 đồng, còn lại 2.700.000 đồng Sang cất giữ trong người thì bị Cơ quan điều tra bắt quả tang thu giữ. Ngày 27/7/2019, anh Phạm Văn Ch đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu đen xám (số Imei: 353290071689145). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã tiến hành xác minh và thông báo tìm người bị hại nhưng chưa xác định được, nên tách nội dung trên cùng chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu đen xám (số Imei: 353290071689145), ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh xử lý sau là phù hợp.

Đối với anh Phạm Văn Ch là người đã mua chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X và chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus từ bị cáo Nguyễn Đức S. Nhưng khi mua 02 chiếc điện thoại này anh Ch không biết đây là tài sản do S

phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Ch là phù hợp.

[2] Xét về các hành vi, quyết định tố tụng của Kiểm sát viên, Điều tra viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g, khoản 2, Điều 173; điểm h, t, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Nguyễn Đức S 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/6/2019.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận cơ quan điều tra giao trả 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu SamSung (loại J6) màu xanh (số Imei 1: 352812102957711; số Imei 2: 352813102957719) cho chị Nguyễn Thị L. 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X, dung lượng 256Gb, màu đen (số Imei: 356738084457410) cho chị Trần Thị Th nhận quản lý, sử dụng.

Trả lại cho bị cáo 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu SamSung (loại J7 Pro) màu đen (số Imei: 356202091590523), nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm việc thi hành án. Trả lại cho anh Phạm Văn Ch số tiền 2.700.000 đồng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 8/10/2019)

Chấp nhận việc anh Phạm Văn Ch không yêu cầu bị cáo phải bồi thường 2.000.000 đồng.

Truy thu của bị cáo Nguyễn Đức S số tiền 2.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Đức S phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Viết Kiên

